

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CUM'GAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14/01/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Ngọc Thắng

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Mạnh

2. Ông Hoàng Duy Thanh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 305/2021/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-DS ngày 27/12/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Tuyết N, sinh năm 1997 – *Có mặt*

Trú tại: Buôn E K, xã ET, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk

2. *Bị đơn:* Ông Lê Dương T, sinh năm 1992 – *vắng mặt*

Trú tại: Thôn Đ H T, xã CDMN, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Tuyết N trình bày:*

Bà và ông Lê Dương T tìm hiểu được khoảng 03 năm thì tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 12/2015 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CưDiêMnông, huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk ngày 10/12/2015. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hay cãi nhau, ông Trương ngoại tình. Từ 11/2020 bà N về ở nhà mẹ đẻ tại Buôn E K, xã ET, vợ chồng không chung sống với nhau nữa cho đến nay và không quan tâm gì đến nhau. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ chung

sống với nhau nữa. Nguyên vọng của bà Phạm Tuyết N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Lê Dương T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Lê Thảo Ti, sinh ngày sinh ngày 24/6/2016. Nguyên vọng của bà Phạm Tuyết N xin được nuôi con chung, không yêu cầu ông Lê Dương T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Lê Dương T trong quá trình tố tụng trình bày:* Ông xác nhận quá trình chung sống, kết hôn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn, thời gian chung sống và con chung đúng như bà Phạm Tuyết N trình bày. Quá trình Tòa án hòa giải ông Lê Dương T không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Tuyết N. Bà Phạm Tuyết N được ly hôn ông Lê Dương T.

Về con chung: Chấp nhận nguyên vọng của bà Phạm Tuyết N, giao con chung cháu Dương Lê Thảo Ti, sinh ngày sinh ngày 24/6/2016 cho bà Phạm Tuyết N nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền Tòa án:

Bà Phạm Tuyết N yêu cầu được ly hôn, giải quyết nuôi con chung với ông Lê Dương T nên quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Trong quá trình tố tụng ông Lê Dương T có địa chỉ cư trú tại xã CưDliêMnông, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Lê Dương T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Tuyết N và ông Lê Dương T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CưDliêMnông, huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk ngày 10/12/2015, đây là

quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa bà N và ông T thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi nhau, ông T sống không chung thủy. Nếu ông T là người có trách nhiệm chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình thì mâu thuẫn sẽ được khắc phục kịp thời, vợ chồng có thể đoàn tụ. Tuy nhiên, ông T không có ý thức đoàn tụ để hàn gắn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, vợ chồng không chung sống với nhau đã hơn một năm. Như vậy, hôn nhân của bà N và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Tuyết N, cho bà Phạm Tuyết N được ly hôn ông Lê Dương T.

[4] Về con chung: Bà Phạm Tuyết N và ông Lê Dương T có 01 con chung là cháu Dương Lê Thảo Ti, sinh ngày 24/6/2016. Hiện nay cháu Tiên đang được bà N chăm sóc và nuôi dưỡng cho đi học. Trên cơ sở nguyện vọng của bà N cũng như điều kiện nuôi con. Giao con chung cháu Dương Lê Thảo Ti, sinh ngày 24/6/2016 cho bà N nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Bà Phạm Tuyết N không yêu cầu ông Lê Dương T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Phạm Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.  
*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Tuyết N

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm Tuyết N được ly hôn ông Lê Dương T

*Về con chung:* Giao cháu Dương Lê Thảo Ti, sinh ngày 24/6/2016 cho bà Phạm Tuyết N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Phạm Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà Phạm Tuyết N đã nộp theo

biên lai thu số AA/2019/0016637 ngày 01/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Đặng Ngọc Thắng**